

Số: /BC-UBND

Tân Văn, ngày tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023 xã Tân Văn, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Thực hiện Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 03/3/2023 của UBND huyện Bình Gia về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM huyện Bình Gia năm 2023; các văn bản hướng dẫn của các cấp; Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2022; Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã NTM, xã nông thôn mới nâng cao, xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2022 – 2025 tỉnh Lạng Sơn;

Ban chấp hành Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã ra nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội trong đó có nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM. Ủy ban nhân dân xã đã ban hành các Kế hoạch, Quyết định để tổ chức thực hiện cụ thể: UBND xã ban hành quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của UBND xã Tân Văn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2023 của UBND xã về việc kiện toàn lại Ban quản lý xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022- 2025 xã Tân Văn; Thông báo số 307/TB-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023 của UBND xã Thông báo phân công nhiệm vụ các đồng chí trong Ban quản lý xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025 phụ trách các tiêu chí, chỉ tiêu trong bộ tiêu chí; Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2023 của UBND xã Tân Văn về việc thành lập Ban phát triển thôn xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2023; Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 6/02/2023 về việc thực hiện chương trình MTQG xây dựng xã Nông thôn mới nâng cao năm 2023.

2. Công tác tuyên truyền, tập huấn

Cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị xã - hội luôn quan tâm tới công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia thực hiện xây dựng NTM. Những lợi ích mà chương trình đem lại và trách nhiệm của mỗi người dân cần thực hiện trong xây dựng Nông thôn mới. Các nội dung liên quan tới Xây dựng Nông thôn mới luôn được tuyên truyền lồng ghép bằng nhiều hình thức đa dạng và phong phú.

UBND xã phối hợp với UBMTTQ xã và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chương trình "Cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới" và cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM đô thị văn minh". Công tác tuyên truyền, vận động được thực hiện bằng nhiều hình thức đa dạng và phong phú như: Tuyên truyền lồng ghép tại các cuộc họp giao ban xã, cuộc họp thôn, các cuộc sinh hoạt định kỳ của các chi hội... ngay từ đầu năm UBND xã đã xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ công chức xã, và ban phát triển thôn 12/12 thôn, kết quả trong 6 tháng đầu năm đã phối hợp với văn phòng điều phối huyện, tỉnh đã mở được 01 lớp tập huấn tại nhà văn hóa xã tập huấn bồi dưỡng cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao với số người tham dự 80 người.

Ngoài ra thành viên Ban quản lý, ban phát triển thôn được tham gia các lớp tập huấn tại tỉnh, huyện 06 lớp/35 lượt người tham dự tập huấn về công tác môi trường và phòng chống thiên tai, tập huấn chỉ tiêu thu nhập, công tác hướng dẫn thành lập HTX, thành lập tổ khuyến nông cộng đồng, và công tác ATTP về lĩnh vực ngành nông lâm, thủy sản.

Tuyên truyền vận động các thôn thực hiện công tác dọn vệ sinh môi trường, đường làng, ngõ xóm, khơi thông, nạo vét mương rãnh thoát nước, làm đường giao thông nông thôn được 01 đợt có 824 lượt người tham gia. phát quang đường làng, ngõ xóm: 5.800m, Tu sửa tạo mặt bằng đường ngõ xóm: 1.050m, khối lượng đào đắp: 7m³, Bằng việc đẩy mạnh công tác vận động tuyên truyền đã giúp cho cán bộ, công chức, Đảng viên và đặc biệt là người dân trên địa bàn xã hiểu và nắm được ý nghĩa, mục đích và trách nhiệm của mỗi người dân trong việc chung tay xây dựng Nông thôn mới. Trên cơ sở nhận thức đúng đắn của người dân trên địa bàn với sự đầu tư, hỗ trợ một phần của nhà nước đã cùng nhau góp công sức, tiền bạc để tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng của địa phương như làm đường giao thông nông thôn, dọn dẹp vệ sinh môi trường... cùng nhau thay đổi nếp sống sạch sẽ, lành mạnh, văn minh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ

1. Tiêu chí 1: Quy hoạch

a. Yêu cầu của tiêu chí

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy

hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn.

1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch

b. Kết quả thực hiện

- Chỉ tiêu 1: Xã chưa thực hiện điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã để phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025.

- Chỉ tiêu 2: Hiện nay xã đang thực hiện theo quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch giai đoạn 2021-2025.

c. Đánh giá: **Chưa đạt**

2. Tiêu chí số 2: Giao thông

a. Yêu cầu của tiêu chí

2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100%.

2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm $\geq 80\%$.

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm $\geq 70\%$.

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm $\geq 60\%$.

b. Kết quả thực hiện

- Đường xã: Gồm 4 tuyến (*Nà Quân - Bản Nặng; Kéo Coong - Nà Dài; Kéo Coong - Nà Quân; Kéo Coong - Lân Khinh*) có tổng chiều dài 10,1 km đã bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đạt 100%, đảm bảo thoát nước tốt, các tuyến đường trục xã trên địa bàn hàng năm được duy tu bảo dưỡng theo quy định, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.

- Đường trục thôn: Toàn xã có 4 tuyến với tổng chiều dài 1,57 km, chiều rộng nền đường từ 2,8-4 m, mặt đường từ 2-3m, đã bê tông xi măng được 1,57 km đạt 100%. Do điều kiện về địa hình cũng như sự eo hẹp về diện tích nên các tuyến đường hầu như không có rãnh thoát nước, nước được thoát tự nhiên chảy theo dọc đường hoặc sang hai bên đường, không có đoạn đường lầy lội vào mùa mưa bão. Đầu các tuyến đường dẫn vào thôn giao nối với đường xã có lắp đặt biển báo biển chỉ dẫn vào các thôn.

Các chỉ tiêu kỹ thuật của 4 tuyến đường cơ bản tối thiểu đạt được đối với đường cấp C (nền đường rộng 4m; mặt đường 2m), tuy nhiên do khó khăn về địa hình, cũng một số tuyến được xây dựng trước năm 2013 khi chưa có hướng

dẫn về quy mô, cấp đường theo chỉ tiêu NTM, nên một số tuyến có bề rộng phần nền chưa đảm bảo tối thiểu 4m nhưng mặt đường đều đạt tối thiểu là 2m. Các tuyến đường đảm bảo phục vụ nhu cầu đi lại được thuận lợi hơn cho người dân trên địa bàn xã.

- Đường ngõ xóm: Tổng số chiều dài các tuyến đường làng, ngõ xóm là 54,478 km, trong đó đã cứng hóa được 46,876 km đạt 86,3%, số km đường đất là 7,527 km chiếm 13,7%.

Các tuyến đường làng, ngõ xóm đều đảm bảo mặt đường sạch và không lầy lội vào mùa mưa, bề rộng mặt đường đạt từ 1,2-3m.

c) Đánh giá: **(Đạt tiêu chí)**

3. Tiêu chí: Thủy lợi và phòng chống thiên tai

a. Yêu cầu của tiêu chí

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

b. Kết quả thực hiện

Trên địa bàn xã Tân Văn có tổng cộng 19 công trình (trong đó có: 06 hồ chứa, 06 đập dâng và 07 tuyến mương). Hệ thống kênh mương chiều dài 16,26 km, trong đó đã kiên cố được 10,46 km, đạt tỷ lệ 92,9%.

Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Tân Văn theo thiết kế tưới của công trình là 109 ha, thực tế hiện nay các công trình thủy lợi đảm bảo tưới, tiêu chủ động là 103,5 ha.

Năng lực tưới tiêu chủ động của các công trình đạt: 94,95%.

- Có 01 tổ hợp tác dùng nước thủy lợi hoạt động hiệu quả, bền vững.

- Trên địa bàn xã có mô hình áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp như (Mô hình tưới phun mưa trên cây Bưởi của ông Nguyễn Văn Trường tại thôn Nà Vước với diện tích tưới 0,22 ha. Mô hình cây Nho của ông Hoàng Văn Tâm tại thôn Còn Tầu với diện tích tưới 0.072 ha).

- Các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

- Các đơn vị sử dụng nước (Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi huyện Bình Gia, UBND cấp xã, HTX, THT,...) xây dựng kế hoạch tổ chức quản lý, khai thác, vận hành công trình thủy lợi, có kế hoạch phân phối, điều tiết nước đảm bảo cấp nước tiết kiệm, kịp thời và hiệu quả.

- Có phương án phòng chống thiên tai đảm bảo yêu cầu và chủ động theo phương châm 4 tại chỗ.

c. Đánh giá: **Đạt tiêu chí**

4. Tiêu chí: Điện

a. Yêu cầu của tiêu chí

4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn (Đạt)

4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định $\geq 95\%$.

b. Kết quả thực hiện

Trên địa bàn toàn xã đã có 12/12 thôn được sử dụng nguồn điện lưới Quốc gia từ nhiều năm qua và để cho hoạt động của hệ thống điện được đảm bảo theo quy định của ngành. Có 1084/1084 (Đạt 100%) hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.

c. Đánh giá: Đạt tiêu chí

5. Tiêu chí số 5: Giáo dục

a. Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định.

Đối với các xã có hơn 3 trường: 100% trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, trong đó $\geq 70\%$ đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1. Đối với các xã có từ 3 trường trở xuống: 100% trường học các cấp đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó $\geq 50\%$ CSVC mức độ 1.

b. Kết quả thực hiện

100% trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định.

c. Đánh giá: Đạt tiêu chí

6. Tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hóa

6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

6.3. 100 % thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

b. Kết quả thực hiện

- Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng như sân nhà văn hóa xã, sân nhà văn hóa và khu thể thao thôn (*bóng chuyền hơi, xích*

đều, xà đơn, xà kép, đi bộ trên không v.v.); các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

- Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

- 12/12 thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và nếp sống văn hóa, bảo tồn văn hóa dân tộc thường xuyên thực hiện duy trì Hương ước, quy ước.

c. Đánh giá: Đạt tiêu chí

7. Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a. Yêu cầu của tiêu chí

Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán trao đổi hàng hóa

b. Kết quả thực hiện

Trên địa bàn xã không có chợ hoặc quy hoạch xây dựng chợ.

Xã có cửa hàng kinh doanh tổng hợp đảm bảo theo quy định.

c. Đánh giá: Đạt tiêu chí

8. Tiêu chí số 8: Thông tin và truyền thông

a. Yêu cầu của tiêu chí

8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính.

8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet.

8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn.

8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b. Kết quả thực hiện

- Chỉ tiêu 1: Xã Tân Văn có 01 điểm Bưu điện văn hóa xã tại thôn Nà Pái Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu

- Chỉ tiêu 2: Hiện nay internet và Mạng 3G và 4G đã được phủ sóng tới các thôn.

- Chỉ tiêu 3: Trên địa bàn xã được cấp 12/12 cụm loa, còn hoạt động 3 thôn, 8 thôn đã hư hỏng không hoạt động (chưa đạt)

- Chỉ tiêu số 4: Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã đã được trang bị máy tính phục vụ công tác. Việc ứng dụng các phần mềm chuyên môn được sử dụng thường xuyên đối với lĩnh vực tư pháp – hộ tịch, Tài chính - Kế toán, Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng & Môi trường (phụ trách lĩnh vực đất đai) ngoài ra việc ứng dụng công nghệ thông tin cũng được các cán bộ, công chức sử dụng để phục vụ tốt hơn công tác chuyên môn. Hiện nay UBND xã Tân Văn

toàn thể Cán bộ, công chức đều có một hòm thư điện tử ioffice do Văn phòng HĐND&UBND xã quản lý.

c. Đánh giá: chưa đạt tiêu chí

9. Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư

a. Yêu cầu của tiêu chí

9.1. Không có nhà tạm, dột nát

9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $\geq 75\%$.

b. Kết quả thực hiện

- Chỉ tiêu 1: Trên địa bàn xã hiện nay còn 02 nhà tạm, nhà dột nát.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt chuẩn của Bộ Xây dựng trên địa bàn xã là: Nhà Kiên cố $1084/1071 = 98,80\%$; còn 13 nhà bán kiên cố = $1,19,0\%$; 02 nhà tạm dột nát/ $1084 = 0,18\%$

c. Đánh giá: Chưa đạt tiêu chí

10. Tiêu chí số 10: Thu nhập

a. Yêu cầu của tiêu chí

Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 ≥ 42 triệu đồng/người/năm.

b. Kết quả thực hiện

Thu nhập bình quân đầu người theo rà soát đánh giá năm 2022 của xã Tân Văn là 46,09 triệu đồng/người/năm.

c. Đánh giá: **Đạt tiêu chí**

11. Tiêu chí số 11: Nghèo đa chiều

a. Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025 $< 13\%$.

b. Kết quả thực hiện

b) Kết quả thực hiện: Hiện tại có $378/1084$ hộ = $34,87\%$

Đánh giá: Chưa đạt

12. Tiêu chí 12: Lao động

a. Yêu cầu của tiêu chí

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 70\%$.

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 20\%$.

b. Kết quả thực hiện

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn xã là $2.137/2.902=73,64\%$.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt $1.915/2.902=65,99\%$

c. Đánh giá: Đạt chỉ tiêu

13. Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

a. Yêu cầu của tiêu chí

13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững ≥ 01 sản phẩm.

13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương.

13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường

13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả

b. Kết quả thực hiện

Hiện nay đã có 01 Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Kéo Coong được thành lập năm 2018 có 10 thành viên đi vào hoạt động cho đến nay mục đích chủ yếu của Hợp tác xã là hỗ trợ tạo điều kiện cho các thành viên trong hợp tác xã phát triển nông nghiệp và chăn nuôi đạt được kết quả cao kết hợp với liên kết bao tiêu sản phẩm nông nghiệp cho nhân dân trên địa bàn. Hiện Nay Hợp tác đã trồng được 13 ha cây ăn quả và Lâm Nghiệp để phục vụ chế biến sản phẩm cho Hợp Tác xã, Hiện sản phẩm chính là Hôi, Hạt Mắc Ca và Trâu bò thương phẩm.

Hiện Có mô hình trồng Thanh Long theo Tiêu chuẩn VietGAP đã được cấp giấy chứng nhận VietGAP.

Xã không có làng nghề truyền thống phát triển.

Xã đã thành lập tổ khuyến nông cộng đồng, có quy chế hoạt động hoạt động đảm bảo hiệu quả, bền vững.

c. Đánh giá: Đạt tiêu chí

14. Tiêu chí số 14: Giáo dục và đào tạo

a. Yêu cầu của tiêu chí

14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ

14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) $\geq 70\%$.

b. Kết quả thực hiện

- **Chỉ tiêu 1:** Duy trì đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt mức độ 3; xóa mù chữ đạt mức độ 2.

- **Chỉ tiêu 2:** Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông, học nghề đạt 95%.

c. Đánh giá: Đạt tiêu chí

15. Tiêu chí số 15: Y tế

a. Yêu cầu của tiêu chí

15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$.

15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 24\%$.

15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$.

b. Kết quả thực hiện

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt trên 88 %.

- Chỉ tiêu 2: Nhà trạm y tế đã được xây dựng khang trang, trang thiết bị đầy đủ khám chữa bệnh ban đầu

- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) là 61/310 chiếm tỷ lệ 18,67%.

- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $3005/4877 = 61,6\%$

c. **Đánh giá:** Chưa đạt tiêu chí

16. Tiêu chí số 16: Văn hóa

a. Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ thôn, bản, áp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới đạt 70% trở lên trên tổng số thôn.

b. Kết quả thực hiện

Năm 2022 có 12/12 thôn đạt khu dân cư văn hoá chiếm 100%.

- Đạt tỷ lệ từ 90% trở lên hộ gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hoá:

- Năm 2022 danh hiệu Gia đình văn hóa đạt 996/1078 chiếm 92,39%, thôn văn hóa đạt 12/12 tỷ lệ 100% .

- Xã có các câu lạc bộ Văn hoá, văn nghệ, thể thao quần chúng hoạt động có hiệu quả.

C. Đánh giá: Đạt tiêu chí

17. Tiêu chí số 17: Môi trường và an toàn thực phẩm

a. Yêu cầu của tiêu chí

17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 20\%$ ($\geq 10\%$ từ hệ thống cấp nước trung).

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường $\geq 90\%$.

17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.

17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 2\text{m}^2$ /người.

17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 70\%$.

17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%.

17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch $\geq 70\%$.

17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 60\%$.

17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 30\%$.

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 30\%$.

b. Kết quả thực hiện

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước HVS đạt 100%
Trên địa bàn xã đã được đầu tư công trình cấp nước tập trung tại thôn (Trà Lầu) nhưng chưa được đưa vào sử dụng (chưa đạt)

- Chỉ tiêu 2: 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

- Chỉ tiêu 3: Cảnh quan, không gian trên địa bàn xã đảm bảo xanh - sạch - đẹp, an toàn, không để tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu tập trung. Các hộ gia đình tự có mương thu gom và thoát nước đảm bảo hợp vệ sinh.

- Chỉ tiêu 4: Xã chưa có đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư. (UBND xã chọn thôn Kéo cong có nhiều cây xanh để rà soát), hiện nay đang cập nhật rà soát.

- Chỉ tiêu 5: Trên địa bàn xã chưa xây dựng khu hỏa táng (không đánh giá)

Việc mai táng được thực hiện theo phong tục, tập quán tại địa phương đảm bảo các khu mộ cách xa khu dân cư và nguồn nước người dân đang sử dụng.

- Chỉ tiêu 6: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt trên 70%.; Các hộ trên địa bàn xã tự thu gom, xử lý tại gia đình.

- Chỉ tiêu 7: Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Trên địa bàn xã có 43 bể chứa rác thải gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom .

- Chỉ tiêu 8: Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch .

+ Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh: Có 1.058/1.084, chiếm tỷ lệ 97,60%.

+ Số hộ có nhà tắm hợp vệ sinh: Có 1.059/1.084, chiếm tỷ lệ 97,69%.

+ Số hộ có bể chứa nước hợp vệ sinh: Có 1.084/1.084, chiếm tỷ lệ 100%.

- Chỉ tiêu 9: Tỷ lệ hộ gia đình chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt

- Chỉ tiêu 10: 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Chỉ tiêu 11: Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt trên 30%.

- Chỉ tiêu 12: Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt 30%.

c. Đánh giá: Chưa đạt tiêu chí

18. Tiêu chí số 18: hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn

18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên

18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên

18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định

18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội

18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn

b. Kết quả thực hiện

- Chỉ tiêu 1: Tổng số cán bộ, công chức là 19 /19 cán bộ công chức đạt chuẩn

- Chỉ tiêu 2: Năm 2022, Đảng bộ, chính quyền xã đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Chỉ tiêu 3: 100% tổ chức chính trị - xã hội của xã hàng năm do tổ chức đoàn thể của huyện đánh giá xếp loại công nhận đều đạt ở mức xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Chỉ tiêu 4: Qua rà soát. đánh giá xã Tân Văn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022.

- Chỉ tiêu 5: Xã có 1 nữ lãnh đạo xã là chủ tịch UBMTTQ (kiêm phó bí thư thường trực đảng ủy xã) không xảy ra bạo lực gia đình và xâm hại trẻ em; những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn luôn được quan tâm bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.

- Chỉ tiêu 6: Hàng năm xã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn.

c. Đánh giá: Đạt

19. Tiêu chí số 19: Quốc phòng và An ninh

a. Yêu cầu của tiêu chí

19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống

tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b. Kết quả thực hiện

- Chỉ tiêu 1: Triển khai thực hiện tốt công tác quốc phòng quân sự địa phương hàng năm: Tổ chức có hiệu quả công tác quán triệt triển khai các văn bản, hướng dẫn về công tác quốc phòng quân sự địa phương; xây dựng đầy đủ các hệ thống văn kiện sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện; tuyển quân đảm bảo số lượng, chất lượng; đăng ký, quản lý quân nhân dự bị, phương tiện động viên chặt chẽ; tổ chức giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh đúng đối tượng, đảm bảo nội dung, quân số; tiên hành diễn tập chiến đấu phòng thủ theo đúng quy định, an toàn tuyệt đối; chỉ đạo dân quân phối hợp với các lực lượng có liên quan thực hiện tốt việc giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

- Chỉ tiêu 2: Trên địa bàn xã không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...)

c) Đánh giá Đạt tiêu chí

20. Kết quả rà soát theo bộ tiêu chí mới ban hành

Kết quả các tiêu chí chưa đạt gồm 6 /19 tiêu chí cụ thể: tiêu chí số 1 Quy hoạch; tiêu chí số 8 thông tin và truyền thông; tiêu chí số 9 nhà ở dân cư; tiêu chí số 11 nghèo đa chiều; tiêu chí số 15 y tế; tiêu chí số 17 về Môi trường

Các tiêu chí đã đạt 13/ 19 tiêu chí ; tiêu chí số 2 giao thông; tiêu chí số 3 thủy lợi và phòng chống thiên tai; tiêu chí số 4 Điện; tiêu chí số 5 Trường học; tiêu chí số 6 Cơ sở vật chất văn hóa; tiêu chí số 7 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; tiêu chí số 10 thu nhập; tiêu chí số 12 Lao động; tiêu chí số 13 Tổ chức sản xuất và phát triển nông thôn; tiêu chí số 14 Giáo dục và đào tạo; tiêu chí số 16 Văn hóa; tiêu chí số 18 Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; tiêu chí số 19 Quốc phòng và an ninh .

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và sự giúp đỡ của cấp trên; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ xã đến thôn, đặc biệt sự đồng tình hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn đã đem lại những kết quả tích cực cho sự phát triển toàn diện về kinh tế, văn hóa-xã hội, an ninh - quốc phòng, nhận thức của hệ thống chính trị, của người dân trên địa bàn xã về xây dựng nông thôn mới ngày càng được nâng cao từ đó tạo sự đồng thuận ủng hộ của người dân tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới. Năng lực và trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức ngày

càng được củng cố và nâng cao, cơ sở hạ tầng từng bước được đầu tư đồng bộ, kinh tế phát triển, văn hóa xã hội có nhiều chuyển biến, an ninh- quốc phòng được đảm bảo, diện mạo nông thôn được đổi mới, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được nâng lên.

2. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

- Công tác chỉ đạo, lãnh đạo xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao còn lung túng, chưa kịp thời, các thành viên trong ban chỉ đạo, ban quản lý xã chủ yếu là kiêm nhiệm; có phần còn hạn chế về năng lực, trình độ, việc nắm bắt nội dung của các tiêu chí còn chung chung vì vậy đã ảnh hưởng không ít tới tiến độ thực hiện;

- Công chức phụ trách nông thôn mới đều là kiêm nhiệm, khối lượng công việc nhiều nên cũng ảnh hưởng đến tiến độ công việc còn chậm và hạn chế.

- Các văn bản, Hướng dẫn thay đổi theo từng giai đoạn nên việc cập nhập chưa được kịp thời so với yêu cầu đề ra.

- Điểm xuất phát thấp, các tiêu chí tuy đã Đạt nhưng vẫn còn ở mức thấp;

- Các hình thức tổ chức sản xuất phát triển chưa nhiều, chất lượng hoạt động nông nghiệp còn thấp so với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Nguồn lao động tuy trẻ và dồi dào nhưng trình độ chưa cao;

- Việc xây dựng và lựa chọn để phát triển các mô hình kinh tế đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân còn nhiều lúng túng, còn dàn trải, nhỏ lẻ

- Một bộ phận nhân dân chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa, nội dung của chương trình MTQG xây dựng NTM nâng cao, vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nhà nước.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2023

1. Mục tiêu

- Xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; vừa là nhiệm vụ cấp bách, vừa là nhiệm vụ chiến lược lâu dài, phải kiên trì, bền bỉ, sáng tạo, quyết tâm cao trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện;

- Xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao là cuộc vận động rộng rãi, cần được tiến hành đồng loạt ở tất cả các lĩnh vực, các thôn trên địa bàn xã; thực hiện lồng ghép chương trình xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án, thu hút các nguồn lực trong toàn xã hội cùng tham gia.

- Tiếp tục xây dựng và nâng cao chất lượng các tiêu chí với mục tiêu nhằm phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

2. Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện

- Tiếp tục tu sửa, nâng cấp các tuyến đường trục thôn, ngõ xóm nâng tỷ lệ các tuyến đường được bê tông hóa trên địa bàn.

- Đẩy mạnh công tác quản lý và duy tu sửa chữa hệ thống hồ đập, nạo vét và kiên cố hóa các tuyến mương; thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hằng năm.

- Giữ vững và nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia, đảm bảo đạt chuẩn về cơ sở vật chất; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục cộng đồng, xây dựng mô hình giáo dục thể chất cho học sinh.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng văn hóa, thông tin và truyền thông; đẩy mạnh tuyên truyền vận động người dân tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; tích cực xây dựng nếp sống lành mạnh, văn minh; nâng tỷ lệ các hộ gia đình có nhà đạt chuẩn và chất lượng nhà ở trên địa bàn.

- Triển khai có hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào trong sản xuất nông; tiếp tục thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn; Khuyến khích phát triển, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực tại địa phương. Thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo kế hoạch.

- Nâng cao chất lượng dạy nghề cho người lao động tại địa phương, gắn tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thành khu vực vùng có sản phẩm chủ lực tại địa phương.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho người dân, đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia mua bảo hiểm y tế, giảm tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng thấp còi.

- Tuyên truyền, vận động người dân nâng cao ý thức trong công tác bảo vệ môi trường, giữ gìn và xây dựng cảnh quan tại các hộ gia đình, khu dân cư xanh - sạch - đẹp, không thực hiện các hoạt động gây suy giảm chất lượng, ô nhiễm môi trường. Khuyến khích, vận động người dân trong việc áp dụng các biện pháp khoa học công nghệ trong việc thu gom và xử lý các chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi. Quản lý chặt chẽ và yêu cầu các hộ gia đình, các cơ sở

sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn xã đảm bảo thực hiện đúng các thủ tục, quy định của pháp luật về tất cả các mặt đặc biệt là các quy định về an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao theo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; Cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; Thực hiện tốt công tác phổ biến pháp luật, bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Các phòng ban chuyên môn của huyện tiếp tục tăng cường công tác đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn cụ thể thực hiện các tiêu chí trong bộ tiêu chí về xây dựng nông thôn mới, NTM nâng cao giai đoạn 2022 – 2025 theo từng lĩnh vực chuyên môn.

2. Các cấp, các ngành, các doanh nghiệp, nhà hảo tâm tiếp tục quan tâm giúp đỡ hộ nghèo theo địa chỉ; hỗ trợ để cải tạo, sửa chữa, chỉnh trang nhà cửa cho các hộ gia đình có nhà ở đã xuống cấp.

3. Các cơ quan chuyên môn cấp trên giới thiệu các doanh nghiệp có năng lực tài chính đầu tư vào lĩnh vực phát triển nông, lâm nghiệp và giới thiệu cây chủ lực phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng địa phương cho nhân dân sản xuất tăng thu nhập.

4. Các cấp, các ngành cần nghiên cứu có chế độ hỗ trợ thù lao bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới, cho Ban quản lý, ban phát triển thôn để hoạt động có hiệu quả hơn.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Tân Văn./.

Nơi nhận:

- VPĐP XDNTM huyện;
- BCĐ, BQL XDNTM xã;
- Lưu VP, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nông Duy Nghĩa

